

Bản án số: 162/2018/DS – PT

Ngày: 23/5/2018

V/v “Yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng
và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Nguyễn Kim Tư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2018/TLPT- DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về “Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS – ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 114/2018/QĐ – PT ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Phan Thị M, sinh năm: 1936;

Người đại diện hợp pháp của bà M: bà Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm: 1979; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19/7/2017). (có mặt)

2. Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm: 1979; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Huỳnh Thị Tuyết L, sinh năm: 1977; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Huỳnh Thị N, sinh năm: 1971; (có mặt)

2. Huỳnh Quốc V, sinh năm: 1969; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Thị C, sinh năm: 1955; (có mặt)

Địa chỉ: số 236, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh L.

2. Huỳnh Thị Đ, sinh năm: 1956; (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. Huỳnh Thị N1, sinh năm: 1964; (có mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Mai Thị T, sinh năm: 1974; (vắng mặt)

5. Huỳnh Thanh T1, sinh năm: 1993; (vắng mặt)

6. Huỳnh Thanh T2, sinh năm: 1994; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

7. Phan Thị T3, sinh năm: 1951; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

8. Phan Thị Đ; (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2010, bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn trình bày:

Ông Huỳnh Văn H và bà Phan Thị M có 07 người con gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Quốc V, Huỳnh Thị Đào, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Hồng P, Huỳnh Thị Tuyết L. Trong quá trình chung sống, ông H và bà M cùng nhau tạo lập được nhiều thửa đất tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và do ông Huỳnh Văn H đứng tên trong sổ mục kê quản lý đất. Năm 2005 ông Huỳnh Văn H mất và không để lại di chúc. Phần di sản ông H để lại bao gồm các phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích như sau:

+ Thửa số 17, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.006,9m², tọa lạc tại ấp 2, xã H huyện C, tỉnh Bến Tre, (trong đó có 300m² thổ cư nằm trên thửa 17, trên đất có 01 căn nhà gạch hiện do ông Huỳnh Quốc V quản lý).

+ Thửa số 198, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 2.903,8m² (bao gồm phần đất thuộc thửa 513 tách ra từ thửa 198, hiện đã bị thu hồi) tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (trên đất có một ngôi nhà gỗ của bà Huỳnh Thị Hồng P, 01 ngôi nhà gạch của bà Phan Thị M quản lý).

+ Thửa số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.932,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (đất trồng lúa do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do bà M quản lý).

+ Thửa số 162, tờ bản đồ số 15, diện tích 33,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (thửa này là phần đường đi vào thửa đất số 121, hiện do bà M quản lý).

+ Thửa số 206, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.707,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (đất trồng lúa hiện do bà M quản lý).

+ Thửa số 232, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.534,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (đất trồng lúa do hộ ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do ông V quản lý).

+ Thửa số 15, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.524,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (đất vườn hiện do bà M quản lý).

Sau khi ông H mất, bà M có tiến hành chia đất cho các con nhưng các con của bà không đồng ý dẫn đến tranh chấp. Nay các đồng nguyên đơn bao gồm bà Phan Thị M, bà Huỳnh Thị Hồng P, bà Huỳnh Thị Tuyết L yêu cầu chia di sản thừa kế là các phần đất nêu trên theo quy định pháp luật. Cụ thể như sau:

+ Thửa số 17, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.006,9m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre chia thành 05 phần cho ông V, bà N, bà Đào, bà N1, bà C.

+ Thửa số 198, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 2.903,8m² (bao gồm phần đất thuộc thửa 513 tách ra từ thửa 198, hiện đã bị thu hồi) tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre thì chia cho bà M, bà P, bà L. Cụ thể bà M nhận $\frac{1}{2}$ phần đất, tại vị trí có căn nhà bà đang ở và phần mộ. Bà P, bà L mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ đối với phần đất còn lại trên phần đất có căn nhà của bà P.

+ Thửa số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.932,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (đất trồng lúa do ông Huỳnh Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) chia thành 08 phần cho bà M và các con của bà M – ông H, mỗi người nhận 01 phần.

+ Thửa số 162, tờ bản đồ số 15, diện tích 33,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, là phần đường đi vào thửa đất số 121, nên không yêu cầu chia.

+ Thửa số 206, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.707,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, chia thành 08 phần cho bà M và các con của bà M – ông H, mỗi người nhận 01 phần.

+ Thửa số 232, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.534,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, chia thành 08 phần cho bà M và các con của bà M – ông H, mỗi người nhận 01 phần.

+ Thửa số 15, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.524,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre thì không chia và giao cho bà M quản lý sử dụng.

Đối với phần cây trồng trên đất, các nguyên đơn đồng ý nhận phần cây trồng thuộc phần đất mình được chia và không có yêu cầu gì khác. Các công trình trên đất các bên không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đồng nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc định giá, không có ý kiến gì khác. Về chi phí đo đạc định giá, thu thập chứng cứ các nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu chi phí này.

Trong các bản tự khai và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị N trình bày:

Ông Huỳnh Văn H và bà Phan Thị M có 07 người con gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Quốc V, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Hồng P, Huỳnh Thị Tuyết L. Trong quá trình chung sống, ông Hoa và bà M cùng nhau tạo lập được nhiều thửa đất tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do ông Huỳnh Văn H đứng tên trong sổ mục kê quản lý đất. Năm 2005, ông Huỳnh Văn H mất và không để lại di chúc. Bà N thống nhất lời trình bày của các đồng nguyên đơn về phần di sản ông H để lại bao gồm các phần đất: thửa số 17, tờ bản đồ số 09; thửa số 198, tờ bản đồ số 15; thửa số 121, tờ bản đồ số 15; thửa số 162, tờ bản đồ số 15; thửa số 206, tờ bản đồ số 15; thửa số 232, tờ bản đồ số 15; thửa số 15, tờ bản đồ số 09, cùng tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà N không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các đồng nguyên đơn. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tất cả các phần đất nêu trên theo quy định pháp luật, chia đều thành 08 phần bằng nhau, mỗi người nhận 01 phần. Riêng đối với phần đất thuộc thửa số 121, tờ bản đồ số 15 bà N đồng ý không chia. Mà giao cho bà M quản lý sử dụng phần đất này. Tuy nhiên, bà N không đồng ý làm đơn yêu cầu chia thừa kế, nhưng nếu tòa án chia thừa kế thì bà N xin được nhận phần của bà N.

Đối với phần cây trồng trên đất bà đồng ý nhận phần cây trồng thuộc phần đất mình được chia và không có yêu cầu gì khác. Các công trình trên đất bà không có tranh chấp nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà thống nhất kết quả đo đạc, định giá không có ý kiến gì khác. Chi phí đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong các bản tự khai và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Quốc V là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T, anh T, chị T trình bày:

Ông Huỳnh Văn Hoa và bà Phan Thị M có 07 người con gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Quốc V, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị C, Huỳnh Thị Hồng P, Huỳnh Thị Tuyết L. Trong quá trình chung sống, ông Hoa và bà M cùng nhau tạo lập được nhiều thửa đất tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và do ông Huỳnh Văn H đứng tên trong sổ mục kê quản lý

đất. Năm 2005, ông Huỳnh Văn H mất và không để lại di chúc. Ông V thống nhất lời trình bày của các đồng nguyên đơn về phần di sản ông H để lại bao gồm các phần đất: thửa số 17, tờ bản đồ số 09; thửa số 198, tờ bản đồ số 15; thửa số 121, tờ bản đồ số 15; thửa số 162, tờ bản đồ số 15; thửa số 206, tờ bản đồ số 15; thửa số 15, tờ bản đồ số 09, cùng tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Riêng đối với thửa số 232, tờ bản đồ số 15 là do ông V khai hoang phục hóa vào năm 1990, ông đã quản lý và canh tác phần đất này từ đó đến nay.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông V không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn. Ông yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tất cả các phần đất nêu trên theo quy định pháp luật, chia đều thành 08 phần bằng nhau, mỗi người nhận 01 phần. Riêng đối với phần đất thuộc thửa số 232, tờ bản đồ số 15 ông V yêu cầu bồi hoàn phần công sức ông tôn tạo đất nhưng ông không tính ra được công sức của ông cụ thể là bao nhiêu. Ông V không đồng ý làm đơn yêu cầu chia thừa kế, nhưng nếu tòa án chia thì ông xin nhận phần của mình.

Đối với phần cây trồng trên đất, ông V đồng ý nhận phần cây trồng thuộc phần đất mình được chia và không có yêu cầu gì khác. Các công trình trên đất ông không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Ông thống nhất kết quả đo đạc, định giá và không có ý kiến gì khác. Chi phí đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong các bản tự khai và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị N1 trình bày:

Thống nhất lời trình bày của các đồng nguyên đơn về phần di sản ông Hoa để lại bao gồm các phần đất: thửa số 17, tờ bản đồ số 09; thửa số 198, tờ bản đồ số 15; thửa số 121, tờ bản đồ số 15; thửa số 162, tờ bản đồ số 15; thửa số 206, tờ bản đồ số 15; thửa số 15, tờ bản đồ số 09, cùng tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Yêu cầu chia tất cả các phần đất nêu trên thành 08 phần bằng nhau. Phần của bà Đ và bà N1 thì các bà đồng ý nhận nhưng không đồng ý làm đơn yêu cầu.

Trong bản tự khai và các biên bản hòa giải, biên bản làm việc bà Huỳnh Thị C trình bày:

Đối với các phần đất là di sản của ông Hoa để lại bà không có ý kiến gì. Nếu Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì bà đồng ý nhận phần di sản của bà nhưng bà giao lại cho ông Huỳnh Quốc V. Bà không có yêu cầu gì khác và yêu cầu được giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

Trong các biên bản làm việc bà Phan Thị Đ, Phan Thị T trình bày:

Để đi vào phần đất thửa 15, tờ bản đồ số 09 của bà M phải đi qua phần đất của bà Phan Thị Đ và bà Phan Thị T. Nguồn gốc thửa đất số 15 mà bà M đang quản lý sử dụng trước đây là đất của ông bà chia ra. Do đó, việc đi lại của bà M có từ xưa đến

nay, hiện tại để vào phần đất thửa 15 bà M vẫn đi qua phần đất của bà Đ và bà T bình thường. Bà Đ và bà T vẫn đồng ý cho đi và không có ý kiến hay tranh chấp gì. Bà Đ, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong vụ án này.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 đã tuyên:

- Áp dụng Điều 214, 224, 631, 643, 645, 674, 676, 773 Bộ luật dân sự 2005;
- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Áp dụng Điều 33, 38, 59 Luật hôn nhân gia đình;
- Áp dụng vào Điều 34, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh số 10 về án phí và lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế đối với ông Huỳnh Quốc V và bà Huỳnh Thị N các phần đất thuộc các thửa 17, tờ bản đồ số 09; thửa số 198, tờ bản đồ số 15; thửa số 121, tờ bản đồ số 15; thửa số 15, tờ bản đồ số 09; thửa số 206, tờ bản đồ số 15; cùng tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

- Dành ra phần lối đi để đi vào các phần đất phía trong:
- Tại thửa 121, tờ bản đồ số 15 để lại lối đi ngang 1,3 mét, dài 99,78 mét phía Đông, giáp với thửa 162, 111, 120 có diện tích 132,3m².
- Tại thửa 198, tờ bản đồ số 15 để lại lối đi ngang 02 mét, dài 56,75 mét phía Tây, giáp với con kênh, có diện tích 112,9m².
- Tại thửa 206, tờ bản đồ số 15 để lại lối đi ngang 02 mét, dài 26,46 mét phía Tây, giáp với con kênh, có diện tích 52,8m².
- Tại thửa 232, tờ bản đồ số 15 để lại lối đi ngang 02 mét, dài 20,325 mét phía Tây, giáp với con kênh, có diện tích 39m².
- Tại thửa 17, tờ bản đồ số 09 để lại lối đi ngang 02 mét, dài 77,71 mét phía Nam, giáp với thửa 19, có diện tích 155,4m².
- Bà Phan Thị M được nhận phần tài sản chung và di sản thừa kế bao gồm:

+ Ưu tiên cho bà M nhận toàn bộ thửa số 15, tờ bản đồ số 09 có diện tích 2.524,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cùng toàn bộ cây trồng trên đất do đây là đất ông bà để lại và có phần mộ của tổ tiên bà M. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp sông nhỏ; phía Nam giáp thửa 35 (Huỳnh Thị B); Phía Tây giáp thửa 16 (Hà Văn X); Phía Đông giáp thửa 20, 14 (Nguyễn Thanh H, Phan Văn Đ);

+ Thửa 198 (gồm phần đất thuộc thửa 513 tách ra từ thửa 198, hiện đã bị thu hồi + thửa 198), tờ bản đồ số 15 có diện tích 2.790,9m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, trên đất có căn nhà bà M đang ở, giao phần mộ có diện tích 8,4m² cho bà M quản lý. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp kênh; phía Nam giáp thửa 206; phía Đông giáp thửa 514, 522; phía Tây giáp kênh;

+ Một phần thửa 206 (thửa 206-1) tờ bản đồ số 15 có diện tích 315,5m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre, trên đất có căn nhà bà M đang ở, giao phần mộ có diện tích 8,4m² cho bà M quản lý. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 198; phía Nam giáp một phần thửa 206 còn lại; phía Đông giáp thửa 199; phía Tây giáp kênh;

- Bà Huỳnh Thị Hồng P được nhận phần di sản thừa kế bao gồm:

+ Một phần thửa 206 (thửa 206-2), tờ bản đồ số 15 có diện tích 772,9m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp một phần thửa 206 bà M nhận; phía Nam giáp phần còn lại thửa 206; phía Đông giáp thửa 199, 223; phía Tây giáp kênh;

- Bà Huỳnh Thị Tuyết L được nhận phần di sản thừa kế bao gồm:

+ Một phần thửa 206 (thửa 206-3), tờ bản đồ số 15 có diện tích 566,2m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp một thửa 206 của Huỳnh Thị Hồng P được nhận; phía Nam giáp thửa 232; phía Đông giáp thửa 199; phía Tây giáp kênh;

+ Một phần thửa 232 (thửa 232-1), tờ bản đồ số 15 có diện tích 206,8m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp một thửa 206 của Huỳnh Thị Tuyết L được nhận; phía Nam giáp một phần thửa 232 còn lại; phía Đông giáp thửa 233; phía Tây giáp kênh;

- Ông Huỳnh Quốc V được nhận phần di sản thừa kế (bao gồm cả kỷ phần của bà Phan Thị C) bao gồm:

+ Một phần thửa 232 (thửa 232-4), tờ bản đồ số 15, có diện tích 1.267,3m² tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre là công sức ông V đã bỏ ra để khai hoang và quản lý đất. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp một phần thửa 232 còn lại; phía Nam giáp kênh; phía Đông giáp thửa 233; phía Tây giáp kênh;

+ Một phần thửa 232 (thửa 232-3), tờ bản đồ số 15 có diện tích 1.021,4m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp một phần thửa 232 của Huỳnh Thị Tuyết L được nhận; phía Nam giáp một phần thửa 232 của ông V được nhận; phía Đông giáp 233; phía Tây giáp kênh;

+ Một phần thửa 17 (gồm các thửa 17-2, 17-3, 17-4, 17-5, 17-6, 17-9), tờ bản đồ số 09, có diện tích 1.277,4m² (trong đó có 100m² thổ cư), phần có căn nhà và chuồng trại của ông V, tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 4; phía Nam giáp thửa 19; phía Đông giáp 28; phía Tây giáp một phần thửa 17 còn lại;

- Bà Huỳnh Thị N được nhận phần di sản thừa kế bao gồm:

+ Một phần thửa 121 (thửa 121-3), tờ bản đồ số 15 có diện tích 1.101,3m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 74; phía Nam giáp thửa 438, 162; phía Đông giáp thửa 111, 120; phía Tây giáp thửa 110, 122;

+ Giao bà Huỳnh Thị N quản lý phần đất thuộc thửa 162, tờ bản đồ số 15, diện tích 35,5m² tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre làm lối đi chung vào thửa 121. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 121; phía Nam giáp ĐHCT 01; phía Đông giáp thửa 163; phía Tây giáp thửa 438;

- Bà Huỳnh Thị Đ được nhận phần di sản thừa kế bao gồm:

+ Một phần thửa 17 (thửa 17-8), tờ bản đồ số 09 có diện tích 1.907,3m² (trong đó có 100m² thổ cư), tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 04; phía Nam giáp thửa 19; phía Đông giáp một phần thửa 17 ông V được nhận; phía Tây giáp một phần thửa 17 còn lại;

- Bà Huỳnh Thị N1 được nhận phần di sản thừa kế bao gồm:

+ Một phần thửa 17 (thửa 17-1), tờ bản đồ số 09 có diện tích 666,8m² (trong đó có 100m² thổ cư), tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 04; phía Nam giáp thửa 19; phía Đông giáp một phần thửa 17 bà Đ được nhận; phía Tây giáp 01,18;

+ Một phần thửa 121 (thửa 121-1), tờ bản đồ số 15, có diện tích 698,9m², tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận như sau: phía Bắc giáp thửa 74; phía Nam giáp một phần thửa 121 bà Đ được nhận; phía Đông giáp 111; phía Tây giáp thửa 110.

Do bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập chia thừa kế và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên đối với phần thừa kế bà Đ, bà N1 được nhận tại một phần thửa 17, tờ bản đồ số 09 nêu trên sẽ được giao cho ông V tiếp tục quản lý; phần

thừa kế bà Đ, bà N1 được nhận tại một phần thừa 121 tờ bản đồ số 15 nêu trên sẽ được giao cho bà N tiếp tục quản lý đến khi bà Đ, bà N1 có yêu cầu nhận thì sẽ có yêu cầu sau.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/3/2018 bị đơn bà Huỳnh Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị đơn bà Huỳnh Thị N tại phiên Tòa phúc thẩm: bà không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bà yêu cầu được chia thừa 513-1, 513-2, 513-3 tổng diện tích 1152,3m² thuộc tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre còn thừa 121-2, 121-3 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre chia cho mẹ bà là bà Phan Thị M. Mặt khác, tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N1 tại phiên Tòa phúc thẩm: bà không đồng ý với Bản án sơ thẩm, bà yêu cầu được chia thừa 513-1, 513-2, 513-3 tổng diện tích 1152,3m² thuộc tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre còn thừa 121-1, 17-1 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre chia cho mẹ bà là bà Phan Thị M. Mặt khác, tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng P trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phan Thị M trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Huỳnh Quốc V trình bày: Ông không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, ông không có kháng cáo. Mặt khác, tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt ông gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị N1 trình bày: các bà không đồng ý với bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, các bà không có kháng cáo. Mặt khác, tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt các bà gây ảnh hưởng đến quyền lợi của các bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tòa cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng và chia thừa kế theo án đã tuyên là phù hợp với quy định của pháp luật vì mỗi kỷ phần được nhận nếu tính bằng giá trị là như nhau. Đề nghị

Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, bà N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên hủy bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn là bà Huỳnh Thị N; xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị N1 và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị M và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào năm 1996. Ông bà có 07 người con, gồm: Huỳnh Thị N, Huỳnh Quốc V, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị N1, Huỳnh Thị C, Huỳnh Hồng P, Huỳnh Thị Tuyết L. Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất tài sản chung của ông H, bà M gồm có:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.006,9m²;
- Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 15, tổng diện tích 2.903,8m²;
- Thửa số 121, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.932,5m²;
- Thửa số 162, tờ bản đồ số 15, diện tích 33,5m²;
- Thửa số 206, tờ bản đồ số 15, diện tích 1.707,4m²;
- Thửa số 15, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.524,4m².

Các phần đất trên đều tọa lạc tại ấp 2, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông H chết không để lại di chúc, bà M yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông H; những người thừa kế di sản của ông H yêu cầu chia di sản của ông H là quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật là phù hợp.

[2] Bà Huỳnh Thị Đ và bà Huỳnh Thị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2017 (Bút lục 305) bà Đ, bà N1 đều có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông H chết để lại là quyền sử dụng đất, nhưng bà Đ và bà N1 không có đơn yêu cầu

độc lập và không có đóng tạm ứng án phí, lẽ ra Tòa sơ thẩm không giải quyết chia thừa kế đối với bà Đ và bà N1, nhưng tuyên xử chia di sản thừa kế cho bà Đ và bà N1; giao cho ông V và bà N là người đang quản lý di sản tiếp tục quản lý di sản đến khi bà Đ và bà N1 có yêu cầu nhận, nhưng buộc bà Đ, bà N1 chịu án phí dân sự có giá ngạch là không phù hợp.

[3] Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn. Các phần tài sản và di sản này do bà M và ông V đang quản lý nhưng Tòa cấp sơ thẩm không buộc bà M và ông V giao lại tài sản cho các đương sự được nhận. Vì vậy, sẽ khó khăn cho việc thi hành án sau này.

[4] Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các ông bà làm ảnh hưởng đến quyền lợi các ông bà. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, từ khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2017/QĐXXST-DS ngày 29/12/2017 (Bút lục 462) đến phiên tòa ngày 08/02/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 08/02/2018 Hội đồng xét xử quyết định ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ và thời gian mở lại phiên tòa sẽ được ấn định và thông báo sau. Ngày 23/2/2018, Tòa cấp sơ thẩm ra Thông báo mở lại phiên tòa số 44/2018/TB-TA (bút lục 502) ấn định thời gian mở phiên tòa ngày 02/3/2018 nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện các biên bản tổng đạt hợp lệ cho đương sự. Ngày 02/3/2018, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[5] Tại biên bản nghị án (Bút lục 329) không ghi giờ, ngày, tháng nghị án; ghi thành phần Hội đồng xét xử: Thẩm phán – chủ tọa là ông Phan Thanh T, Hội thẩm nhân dân là ông Nguyễn Tổng N, ông Nguyễn Hoàng P, nhưng biên bản phiên tòa ngày 21/3/2017 (Bút lục 330) thể hiện thành phần Hội đồng xét xử: Thẩm phán - chủ tọa là ông Nguyễn Chí Đ, Hội thẩm nhân dân là bà Lê Thị Hoàng D, bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, Thẩm phán ký tên chủ tọa phiên tòa là ông Phan Thanh T. Mặc khác, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/3/2017 thì Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa là ông Phan Thanh T, Hội thẩm nhân dân là bà Lê Thị Hoàng D, bà Nguyễn Thị M; Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 19/7/2017 (Bút lục 369), nhưng biên bản nghị án ngày 24/7/2017 (Bút lục 370) mặc dù cùng lý do hoãn phiên tòa. Những sai sót này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được nên cấp phúc thẩm hủy án mà không xét về nội dung. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bà N, bà N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 02/3/2018 của TAND huyện C xét xử vụ án “Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất” giữa các nguyên đơn: bà Phan Thị M, bà Huỳnh Thị Hồng P, bà Huỳnh Thị Tuyết L và các bị đơn: bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Quốc V; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Huỳnh Thị N không phải chịu. Hoàn lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015831 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Bà Huỳnh Thị N1 không phải chịu. Hoàn lại cho bà N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015830 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt